

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 7 – 2022

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thái;

Ông Lê Đình Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lệ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **N. K. T**, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp B. K, xã Đ. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** anh **N. V. V**, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp C. X, xã H. T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị N. K. T trình bày:**

Chị và anh N. V. V chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở do tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh V sống chung với cha mẹ chồng khoảng vài tháng thì chuyển về sống chung với cha mẹ chị tại ấp Bến Kinh, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh bài và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã góp ý, khuyên nhủ

nhưng anh V không thay đổi mà còn thường xuyên bỏ nhà đi, khoảng một, hai tuần mới quay về. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: chị và anh V có 02 người con chung tên N. T. T. T, sinh ngày 16/5/2013 và N. Q. T, sinh ngày 23/01/2022, hiện 02 con đang chung sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh N. V. V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 02/3/2022 của chị N. K. T, Ủy ban nhân dân Xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xác nhận: *“bà N. K. T, sinh năm 1994, cư trú tại ấp Bến Kinh, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và ông N. V. V, sinh năm 1985, cư trú tại ấp Cầu Xe, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh từ năm 2013 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là đúng”*.

Theo biên bản xác minh ngày 24/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận thể hiện: *“từ năm 2013 cho đến nay đương sự N. K. T, sinh năm 1994 và N. V. V, sinh năm 1985 không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận”*.

***Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:***

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N. K. T và anh N. V. V; về con chung: giao cho chị N. K. T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên N. T. T. T, sinh ngày 16/5/2013 và N. Q. T, sinh ngày 23/01/2022; ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn – chị N. K. T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh N. V. V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N. K. T và anh N. V. V chung sống như vợ chồng từ năm 2013, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Thuận và Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thể hiện, từ năm 2013 cho đến nay, chị T và anh V không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Thuận và Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận. Như vậy, việc anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N. K. T và anh N. V. V.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 02 người con chung tên N. T. T, sinh ngày 16/5/2013 và N. Q. T, sinh ngày 23/01/2022. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con của chị T thấy rằng: cháu Thuận sinh ngày 23/01/2022, đến thời điểm xét xử chưa tròn 07 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; cháu Thảo đang sống ổn định với chị T và qua tham khảo ý kiến của cháu T thì cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, giao cháu Thảo và cháu Thuận cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1.** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N. K. T và anh N. V. V.

**2.** Về con chung: giao cháu N. T. T. T, sinh ngày 16/5/2013 và N. Q. T, sinh ngày 23/01/2022 cho chị N. K. T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí: chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026465 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: chị T, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Yến**